

VĂN HÓA KHU VỰC, VĂN HÓA TỘC NGƯỜI

CHU THÁI SON

Khi nghiên cứu sử, nghiên cứu dân tộc học, khảo cổ học hay nghiên cứu văn hóa, ai cũng nhận ra rằng mỗi *tộc người* đều có những truyền thống riêng. Nói cách khác, tính tộc người của đa số hiện tượng văn hóa là một tất yếu khách quan.

Ở đây, ở bản thân vấn đề vừa nêu, có một khía cạnh rất quan trọng nhưng nhiều người lại ít để ý đến, lý do thường là “nó đã hiển nhiên rồi”. Cái khía cạnh ấy là: tộc người có *địa chỉ* cụ thể, tộc người gắn với một địa bàn phân bố dân cư nhất định trong trường kỳ lịch sử hay trong một giai đoạn nhất định của lịch sử. Ví dụ, khi nói đồng bào Ê-đê có tập quán này, có truyền thống kia... thì người nghe hiểu ngay rằng, đó là những tập quán, những truyền thống của cộng đồng Ê-đê ở miền Trung Tây Nguyên (cao nguyên Dak Lắc và miền tây tỉnh Phú Yên). Như vậy là mỗi tộc người đều có một địa chỉ (nơi chốn, phạm vi phân bố dân cư) nhất định. Nhưng với những quốc gia có nhiều dân tộc như nước ta thì mỗi địa chỉ nhất định lại thường dành cho *một số tộc người nhất định*. Đến đây, bước đầu có thể đơn giản hiểu rằng: những tộc người có cùng một “địa chỉ”, tức có cùng một *địa bàn phân bố dân cư* thì thuộc về một *khu vực văn hóa* nhất định. Trên thực tế, có 2 loại khu vực văn hóa. Có khu vực là *không gian văn hóa* (cultural space) của duy nhất một tộc người. Và có khu vực là không gian văn hóa của một số tộc người nhất định.

Trong quá trình lịch sử thì thoát kỳ thủy, mỗi tộc người cụ thể cũng đã đều được hình thành từ một khu vực (một miền, một vùng, một xứ) nhất định. Ví dụ: thường thấy nói đến văn minh của các dòng sông, các đồng bằng ven biển... Những tộc người ở núi

thường phân bố theo các đường phân thủy hoặc theo các bình độ của địa hình.... Những dạng thức đầu tiên của văn hóa tộc người ra đời là thể hiện cách ứng xử của một tộc người cụ thể trong một môi trường sinh thái cụ thể, cũng tức là trong một không gian (khu vực, vùng, miền, xứ) cụ thể.

Những dạng thức văn hóa, những ứng xử văn hóa (hiểu theo nghĩa rộng) thích ứng được với các điều kiện tự nhiên của xứ sở (của khu vực, vùng, miền), thỏa mãn được với tâm lý cộng đồng, được toàn thể cộng đồng duy trì, phát triển qua các thế hệ, thì những dạng thức văn hóa đó, những ứng xử văn hóa đó trở thành truyền thống của tộc người nhất định. Như vậy, xét cho đến cùng thì văn hóa tộc người cũng được khởi nguyên từ một khu vực nhất định, rồi nó mới theo suốt tộc người đó trên mọi nẻo đường mưu sinh trong các tiến trình của lịch sử.

Khi một tộc người rời bỏ địa bàn đang sinh tụ, đến sinh sống tại khu vực mới thì những truyền thống cũ lại được phát huy ở môi trường cảnh quan mới, có những thích ứng mới, tạo nên những truyền thống mới. Nếu tộc người đó đến với một khu vực đang tồn tại một không gian xã hội; nói cách khác nghĩa là đến cộng cư với tộc người khác thì sẽ nảy sinh những tâm lý thích ứng xã hội; và kéo theo đó là sự ra đời hiện tượng đầy mạnh quá trình giao lưu văn hóa. Đồng thời với các quá trình nói trên, cộng đồng người này cũng tự điều chỉnh lại ít nhiều các quan hệ nội bộ cho thích hợp với các điều kiện mới (điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội).

Nền tảng của văn hóa tộc người là những *phương thức cố kết* (của) *tộc người* (ví dụ: hình thức cư trú, tổ chức làng xã, các luật

tục...) và những *biện pháp thích ứng với các điều kiện tự nhiên nơi sinh sống* (ví dụ: công cụ sản xuất và hoạt động sản xuất, phương tiện giao thông vận chuyển, phân nào trong trang phục, trong tín ngưỡng...).

Trong điều kiện bình yên, hiện tượng giao tiếp văn hóa diễn ra chậm chạp và không thường xuyên giữa các tộc người sinh sống gần kề. Khi có chiến tranh hay có sự bùng nổ về sản xuất, về dân số, nói chung là về nhu cầu mưu sinh (như cầu đất đai, thị trường tiêu thụ sản phẩm...) thì hiện tượng giao tiếp văn hóa sẽ diễn ra thường xuyên, có chiều sâu, rộng, theo nhịp độ mạnh.

Dân số phát triển đến một mức nào đấy thì lãnh thổ tộc người hoặc được mở rộng, hoặc bị phá vỡ, hiện tượng cộng cư, cư trú đan xen giữa một số dân tộc trong một khu vực ra đời. Những tộc người có dân số đông và tuyệt đối đông (như Hán, Việt, Tay, Hmông, Dao v.v..) dần dần đã phân bố lại trên nhiều khu vực văn hóa khác nhau và tham gia vào quá trình làm biến đổi những bản sắc văn hóa của các khu vực văn hóa. Đó cũng là con đường để ra đời nhóm địa phương (groups local) của mỗi tộc người nhất định. Chính những *nhóm địa phương* của các tộc người đã cho ta một hình ảnh, một ví dụ để nhận biết và phân biệt giữa *văn hóa tộc người* và *văn hóa khu vực*. Cái gốc của nhóm địa phương, những yếu tố lịch đại phần lớn là các thành tố văn hóa thuộc về văn hóa tộc người. Còn cái đồng đại, những yếu tố mới tiếp thu được phần lớn thuộc về văn hóa khu vực.

Văn hóa khu vực (vùng, miền) có những đặc trưng riêng, nó hoàn toàn không phải là tổng số những yếu tố văn hóa (cho dù là những yếu tố cơ bản) của các dân tộc cư trú trong vùng. Đã nghiệm thấy văn hóa khu vực có mấy đặc điểm sau:

1. Trước hết, khu vực văn hóa được hình thành trên một miền địa lý tự nhiên, có những đặc điểm chung về môi trường sinh thái để con người mưu sinh. Sự khác nhau

về các điều kiện tự nhiên giữa các khu vực dẫn đến những ứng xử khác nhau giữa các khu vực với thiên nhiên vây quanh. Đặc điểm về các điều kiện tự nhiên là rất quan trọng đối với xã hội nguyên thủy, những con người đặt nền móng đầu tiên cho văn hóa tộc người và văn hóa khu vực.

2. Ở mỗi khu vực văn hóa tồn tại một tộc người, một bộ phận của tộc người hay một số tộc người nhất định. Họ đã tạo nên ở đây một khu vực địa lý nhân văn nhất định.

3. Trong lịch sử, rất có thể đã từng tồn tại ở nơi đây một nền văn hóa cổ xưa của một cư dân bản địa, cư dân ở trước hay là lớp tổ tiên của cư dân đương đại (ví dụ văn hóa Đông Sơn, văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Óc Eo...). Nền văn hóa cổ xưa này thường để lại dấu vết không nhiều thì ít trong các lớp văn hóa của khu vực. Khi nghiên cứu văn hóa Chăm Pa, một học giả Pháp đã có nhận định. Văn hóa Chăm không mất đi đâu, nó đã lặn vào sinh hoạt của người Việt ở miền Trung.

4. Trong các tộc người trên một khu vực văn hóa, có một tộc người có *dân số trội*, chiếm đa số hoặc tuyệt đối đa số trong tổng số dân cư các tộc cộng cư. Họ chiếm lĩnh những vùng đất đai màu mỡ, giao thông thuận lợi, có điều kiện tốt nhất để phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

5. Tộc người có dân số đông trong khu vực như vừa nói, đóng vai trò là cư dân chủ thể, có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn các tộc khác trong vùng, có ảnh hưởng văn hóa sâu rộng đến đa số các tộc khác trong vùng, nhất là về tiếng nói (vì nhu cầu thường xuyên của giao tiếp xã hội). Do đó, hiện tượng song ngữ và đa ngữ xuất hiện trong khu vực theo mô thức: *ngôn ngữ bản tộc + ngôn ngữ của tộc người chủ thể* (và thêm một hoặc vài ngôn ngữ của tộc người có dân số đông tiếp theo).

Bên cạnh đặc điểm về các *điều kiện tự nhiên*, đặc điểm về một *tộc người có dân số*

trội trong khu vực là rất quan trọng đối với xã hội nguyên thủy để hình thành bản sắc văn hóa của khu vực.

6. Trong khu vực có mối quan hệ tương tác giữa tộc người chủ thể và cư dân là chủ nhân của nền văn hóa bản địa cổ xưa. Tộc người chủ thể đương đại hoặc là di duệ của lớp chủ nhân nền văn hóa bản địa ấy; hoặc là những thế hệ hiện tồn của cư dân chiến thắng (chủ nhân nền văn hóa bản địa). Nhưng dù thế nào đi nữa thì tộc người chủ thể vẫn đã kế truyền hay tiếp nhận ít nhiều thành tố văn hóa của nền văn hóa cổ xưa nơi đây có thể do ý thức hay vô thức. Ví dụ, truyện kể dân gian “*Chàng Lú nàng Úa*” của người Xá ở Tây Bắc đã bị hút vào văn học Thái qua truyện thơ cùng tên.

7. Văn hóa khu vực sẽ chuyển đổi theo thời gian, theo những biến thiên của lịch sử, nhưng đó là lịch sử trường kỳ.

8. Yếu tố văn hóa khu vực ở các tộc người (trong cùng khu vực) biểu hiện nhiều hay ít là tùy thuộc vào sức sống, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, tính chất trội của bản sắc văn hóa tộc người cụ thể.

9. Trong một khu vực văn hóa, nếu có qui mô rộng, có địa hình chia cắt và phức tạp, có một số tiểu vùng cảnh quan hoặc có những dân tộc có dân số lớn tương đồng thì ở đó sẽ hình thành một số tiểu vùng văn hóa nhất định. Mỗi tiểu vùng văn hóa là hình ảnh thu nhỏ và không đầy đủ các đặc trưng của khu vực văn hóa - xét về mô hình.

10. Ranh giới giữa các vùng (khu vực) văn hóa là vành đai phân bố dân cư tộc người chủ thể, mà sự phân bố ấy cũng lại thường dựa vào các ranh giới tự nhiên nhất định. Tuy nhiên, thường thấy là ranh giới của khu vực văn hóa là ranh giới mở và thoáng, có khi “chờm” lên nhau nằm vắt lên nhau như ranh giới của các lãnh thổ tộc người vậy. Nó hoàn toàn không phải là một đường kẻ chỉ trên mặt đất như biên giới quốc gia hay các khu vực hành chính. Nhưng mọi cái đều có

giới hạn thì khu vực văn hóa cũng phải có giới hạn của nó.

11. Bên cạnh những thành tố văn hóa chung của toàn xứ sở - Đất nước, mỗi khu vực văn hóa hiện lên một hệ thống đặc trưng của những dạng thức văn hóa thể hiện ở văn hóa vật chất, sinh hoạt, văn hóa tinh thần, tổ chức xã hội và quan hệ xã hội.

Ở nước ta, khi phân vùng văn hóa sẽ thấy có không ít băn khoăn, phức tạp. Có trường hợp - mà có lẽ là trường hợp khó nhất, một khu vực nằm vắt ngang lên những khu vực khác, hệt như lãnh thổ tộc người trong bức tranh có nhiều dân tộc phân bố đan xen. Đó là trường hợp *vùng rẻo cao* các tỉnh miền núi phía bắc, nơi qui tụ người Hmông và các tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng- Miến. Vùng rẻo cao này vừa bị chia cắt, vừa nằm vắt ngang lên miền Đông Bắc Bắc Bộ Và Tây Bắc Bắc Bộ. Vậy vùng rẻo cao là một khu vực văn hóa hay là 2 tiểu vùng thuộc 2 khu vực văn hóa Đông, Tây? Đó là một trong những vấn đề cần được tiếp tục xem xét.

Trường hợp người Việt đã không chỉ phân bố trên khắp cả liên đồng bằng xuyên Việt mà còn phân bố tập trung ở các thành thị trong cả nước; còn người Hoa tuy tập trung ở Chợ Lớn - Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng cũng có mặt ở nhiều đô thị khác ven biển và vùng núi miền Đông Bắc Bắc Bộ thì sắp xếp thế nào?

Tất cả những điều đó chỉ ra rằng khi phân vùng văn hóa nhằm những *mục đích* khác nhau thì sẽ nảy sinh một số vấn đề phải giải quyết khác nhau, hệt như khi phân loại về nhà cửa, về y phục trong dân tộc học vậy.

Việc phân vùng văn hóa, một vấn đề tưởng như mới đặt ra, nhưng đó lại là một thực thể vốn có từ lâu trong lịch sử. Ví dụ: những ghi chép về miền Tây Bắc Bắc Bộ thì năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778) đời Lê Hiển Tông có “*Hưng Hóa xứ phong thổ lục*” của Hoàng Bình Chính. Đến đời nhà Nguyễn lại có “*Hưng Hóa ký lược*” và “*Hưng Hóa địa dư*”

chí” của Phạm Thận Duật; cũng ở thời Nguyễn ghi chép về Đồng bằng sông Cửu Long, có “Chân Lạp phong thổ ký” của Châu Đạt Quan... Đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi người Pháp ráo riết mở công cuộc thôn tính Đông Dương, việc nghiên cứu các dân tộc và các xứ lại có dịp tiến triển mạnh: Năm 1908, Diguët với tác phẩm “Những người miền núi ở Bắc Kỳ (1)”; 1909, H.Maitre với “Các vùng Mọi ở Nam Đông Dương” (2); 1930. M. Ner với tác phẩm “Ở xứ sở mẫu quyền (miền Trung Tây Nguyên) (3); 1933, Hoffet với “Người Mọi ở Trường Sơn” (4) v.v...

Ngày nay và trong mấy thập kỷ gần đây, khi việc nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam nói chung, nghiên cứu dân tộc học nói riêng có điều kiện phát triển, các cơ quan nghiên cứu, các chương trình nghiên cứu cấp nhà nước, cấp bộ và các nhà khoa học có tên tuổi, ngoài việc cho ra những ấn phẩm nghiên cứu về từng dân tộc, từng nhóm tộc người, từng vấn đề chuyên biệt, bên cạnh những ấn phẩm nghiên cứu trong phạm vi một đơn vị hành chính cấp tỉnh - thành, huyện, xã, còn có những ấn phẩm viết về các khu vực văn hóa. Xin nêu một vài ví dụ: một nhóm tác giả ở Viện Dân tộc học với ấn phẩm “*Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam* (1972); chương trình 48C với ấn phẩm “*Một số vấn đề kinh tế xã hội Tây Nguyên*” (1986); Giáo sư Trần Từ với ấn phẩm “*Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*” (1984); Giáo sư Mạc Đường chủ biên với ấn phẩm “*Vấn đề dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long*” (1991), và ấn phẩm riêng: “*Các dân tộc miền núi bắc Trung Bộ*” (1964); Giáo sư Nguyễn Khắc Tụng với ấn phẩm là luận án phó tiến sĩ: “*Nhà cửa các dân tộc ở Trung du Bắc Bộ Việt Nam*” (1978); và gần đây ấn phẩm “*Nhà rông các dân tộc bắc Tây Nguyên*” (1991) v.v. và v.v.. Rõ ràng những vấn đề văn hóa trong các ấn phẩm nói trên đều đã được các nhà khoa học nhìn nhận trong một không gian hữu hạn: vùng, miền.

Nếu buộc phải giải đáp câu hỏi: “Lấy gì làm tiêu chí để phân vùng văn hóa?” Tôi mạnh dạn xin thưa: Đó là một miền địa lý tự nhiên, một miền địa lý nhân văn, có người gọi là “địa lý sinh thái nhân văn” cứ tạm gọi là “Địa văn hóa - tộc người” như một số tác giả đã viết, ở đó thường tiềm ẩn một nền văn hóa cổ, hiện hữu một dân tộc chủ thể có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn các tộc cộng cư trong vùng và có dân số trội, các tộc người khác trong vùng, nhiều ít đều bị hút vào bản sắc văn hóa của họ (tộc người chủ thể).

Mới đây, trên tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật* số 3 (111) - 1993 có bài của Giáo sư Trần Quốc Vượng viết về xứ Huế; nhân đây đã đưa ra một sơ đồ hệ cấu trúc văn hóa của Việt Nam mà ông gọi là phổ xã hội (social spectre) như sau:

Cá nhân - gia đình - họ hàng - làng xã - vùng miền - đất nước. Trong hệ này, nếu như ở nấc đầu tiên, cái “cá nhân” thường được các nhà văn, các nhà tâm lý học chú ý, thì nấc cuối cùng: “đất nước” lại thu hút mạnh sự quan tâm của các nhà chính trị. Hai nấc sau: “gia đình” và “họ hàng” thấy các nhà xã hội học theo dõi nhiều hơn, trong khi các nhà văn hóa học, khảo cổ học và nhất là dân tộc học lại thường tập trung nghiên cứu ở 2 nấc sát chót: “làng xã” và “vùng miền”. Về phần mình, tôi không thể thêm được gì hơn vào hệ cấu trúc chặt chẽ này. Có chăng, chỉ muốn xin được chừa vào cái “khung” “làng xã” một cặp ngoặc đơn bao lấy 4 từ: “*mang tính tộc người*”. Xong việc ấy, tôi mượn cái sơ đồ trên đây để kết thúc tiểu phẩm nghiên cứu này.

(1) Colonel Diguët, *Les montagnards du Tonkin*, Paris, 1908. (Những người miền núi ở Bắc Kỳ).

(2) Henri Maitre, *Les régions Mọi du Sud Indochinois - Les plateaux du Darlac* (Những xứ Mọi ở Nam Đông Dương - CNDL), Paris 1909.

(3) M.Ner, *Au pays du droit maternel* (ở xứ sở của mẫu quyền) B.E.F.E.O. P532 - 576, T.XXX, 1930.

(4) J. Hoffet *Les Moi de la Chaîne Annamitique etre Tourane et les Boloven* (Người Mọi ở Trường Sơn) Terre, Air, Mer -La géographie T.LIX. 1933.